

NGHỊ QUYẾT

Về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ khoản 17, Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu; bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng thu phí: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai (bao gồm cả bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ chuyên đề, bản đồ địa chính).

3. Mức thu phí như Phụ lục kèm theo.

4. Tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí: Đơn vị tổ chức thu phí được trích để lại 10% trên tổng số phí thu được trước khi nộp vào

ngân sách Nhà nước để trang trải cho các hoạt động tổ chức thu phí. Phần còn lại 90% nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai tại mục 4 Nghị quyết số 48/2003/NQ-HĐND KXIII ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương năm 2004; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện, thành phố ổn định trong 03 năm (2004-2006); định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2004; mức thu một số loại phí trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- CPVP, Chuyên viên VP.HĐND tỉnh;
- CPVP, các phòng VP.UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn; Báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nghiệm

Phụ lục
Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
(Kèm theo Nghị quyết số 38 /2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Số TT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Mức thu: (1.000 đồng)			
			Cung cấp trực tiếp		Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin ĐT	
			Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số	Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số
I	Hồ sơ tài liệu đất đai					
1	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất	01 trang A4	40	35	45	40
2	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai	01 trang A4	40	35	45	40
3	Hồ sơ đo đạc địa chính	01 trang A4	40	35	45	40
4	Hồ sơ địa chính	01 trang A4	40	35	45	40
5	Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai	01 trang A4	40	35	45	40
6	Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	01 trang A4	40	35	45	40
7	Hồ sơ đánh giá đất	01 trang A4	40	35	45	40
8	Hồ sơ xây dựng bảng giá đất	01 trang A4	40	35	45	40
9	Hồ sơ thẩm định và bồi thường	01 trang A4	40	35	45	40
10	Hồ sơ chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 trang A4	40	35	45	40
11	Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học	01 trang A4	40	35	45	40
12	Số liệu phân hạng, đánh giá đất	01 trang A4	40	35	45	40
13	Số liệu tài liệu thổ nhượng	01 trang A4	40	35	45	40
14	Số liệu tài liệu bản đồ đất	01 trang A4	40	35	45	40

15	Số liệu điều tra về giá đất	01 trang A4	40	35	45	40
16	Thông tin về giá của thửa đất	01 trang A4	40	35	45	40
17	Thông tin Quy hoạch của thửa đất	01 trang A4	40	35	45	40
18	Tài liệu kết quả đấu giá quyền sử dụng đất	01 trang A4	40		40	
19	Tài liệu Scan (in màu)	01 trang A4	50	40	55	45
II	Các loại bản đồ					
1	Bản đồ phân hạng đất	01 mảnh A1	955	80	99	80
2	Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất	01 mảnh A1	95	80	99	80
3	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất (vector)	01 mảnh A1		80		80
4	Bản đồ Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (vector)	01 mảnh A1		80		80
5	Bản đồ đo đạc địa chính	01 mảnh A1	95	80	99	80
6	Các loại bản đồ trong Atlas Lạng Sơn	01 mảnh A1	95	80	99	80
7	Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 mảnh A1	100	100	100	90
8	Các loại bản đồ chuyên đề khác (trừ bản đồ hành chính, địa chính cơ sở, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình)	01 mảnh A1	95	100	100	80
III	Hồ sơ khác					
1	Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	10 thửa	45		50	